Bản dịch tiếng Việt

CÔNG ƯỚC VỀ MIỄN HỢP PHÁP HÓA ĐỐI VỚI GIẤY TỜ CÔNG CỦA NƯỚC NGOÀI

(Ngày 05 tháng 10 năm 1961)

Các Nước ký kết Công ước này,

Mong muốn xóa bỏ yêu cầu hợp pháp hóa ngoại giao hoặc lãnh sự đối với giấy tờ công của nước ngoài,

Đã quyết định ký Công ước này và nhất trí với những điều khoản dưới đây:

Điều 1

Công ước này áp dụng với giấy tờ công được lập trên lãnh thổ của Nước ký kết này và phải xuất trình trên lãnh thổ của Nước ký kết khác.

Trong Công ước này, giấy tờ công được hiểu là:

a) các giấy tờ được lập bởi một cơ quan có thẩm quyền hoặc một người có thẩm quyền thuộc tòa án hoặc cơ quan tư pháp của Nhà nước, bao gồm các giấy tờ được lập bởi công tố viên, thư ký tòa án hoặc chấp hành viên tư pháp ("*huissier de justice*");

b) các giấy tờ hành chính;

c) các văn bản công chứng;

d) các chứng nhận chính thức trên các giấy tờ được ký với tư cách cá nhân, như chứng nhận chính thức ghi nhận việc đăng ký một giấy tờ hoặc ghi nhận một sự việc đã diễn ra vào một ngày nhất định và việc chứng thực, công chứng chữ ký.

Tuy nhiên, Công ước này không áp dụng đối với:

a) các giấy tờ được lập bởi viên chức ngoại giao hoặc viên chức lãnh sự;

b) các giấy tờ hành chính liên quan trực tiếp đến hoạt động thương mại hoặc hải quan.

Điều 2

Mỗi Nước ký kết có trách nhiệm miễn hợp pháp hóa đối với giấy tờ thuộc phạm vi điều chỉnh của Công ước này và phải xuất trình trên lãnh thổ của nước mình. Trong Công ước này, hợp pháp hóa được hiểu là thủ tục viên chức ngoại giao hoặc viên chức lãnh sự của của nước nơi giấy tờ phải xuất trình chứng nhận tính xác thực của chữ ký, chức vụ của người ký giấy tờ và, nếu thích hợp, tính xác thực của con dấu trên giấy tờ đó.

Điều 3

Thủ tục duy nhất có thể được yêu cầu nhằm xác nhận tính xác thực của chữ ký, tư cách của người ký văn bản và nếu thích hợp, xác nhận con dấu hoặc dấu

đóng trên văn bản đó là việc gắn kèm chứng nhận được quy định tại Điều 4, do cơ quan có thẩm quyền của nước nơi phát hành văn bản cấp.

Tuy nhiên, thủ tục nói trên không áp dụng trong trường hợp luật, quy định hoặc tập quán đang có hiệu lực ở nước nơi giấy tờ được xuất trình hoặc điều ước quốc tế giữa hai hoặc nhiều Nước ký kết đã xóa bỏ, đơn giản hóa hoặc miễn hợp pháp đối với giấy tờ này.

Điều 4

Chứng nhận nêu tại khoản 1 Điều 3 phải được đóng trực tiếp trên giấy tờ hoặc dưới hình thức tem chứng nhận kèm theo ("*allonge*"); chứng nhận phải tuân theo thể thức của mẫu ban hành kèm theo Công ước này.

Tuy nhiên, chứng nhận có thể được lập bằng ngôn ngữ chính thức của cơ quan có thẩm quyền cấp chứng nhận. Các nội dung bắt buộc trong chứng nhận cũng có thể được trình bày bằng ngôn ngữ thứ hai. Tiêu đề "Apostille (Convention de La Haye du 5 octobre 1961)" phải được ghi bằng tiếng Pháp.

Điều 5

Chứng nhận được cấp theo yêu cầu của người đã ký giấy tờ hoặc của bất cứ người nào mang giấy tờ đó.

Khi được điền đầy đủ, chứng nhận sẽ xác nhận tính xác thực của chữ ký, tư cách của người ký giấy tờ, và nếu thích hợp, tính xác thực của con dấu hoặc dấu đóng trên giấy tờ đó.

Chữ ký, con dấu hoặc dấu đóng trên chứng nhận được miễn mọi thủ tục chứng nhận khác.

Điều 6

Mỗi Nước ký kết phải chỉ định cơ quan có thẩm quyền cấp chứng nhận nêu tại khoản 1 Điều 3, phù hợp với chức năng chính thức của cơ quan đó.

Việc chỉ định này phải được thông báo cho Bộ Ngoại giao Hà Lan vào thời điểm nộp văn kiện phê chuẩn hoặc gia nhập hoặc tuyên bố về việc mở rộng phạm vi áp dụng Công ước. Mọi thay đổi liên quan đến các cơ quan đã được chỉ định cũng phải được thông báo cho Bộ Ngoại giao Vương quốc Hà Lan.

Điều 7

Mỗi cơ quan được chỉ định theo quy định tại Điều 6 phải lưu giữ sổ đăng ký hoặc hệ thống tra cứu, trong đó ghi nhận các chứng nhận đã được cấp, với các thông tin sau đây:

a) số và ngày cấp của chứng nhận ,

b) họ tên người ký đã giấy tờ công và chức vụ của người đó, hoặc tên của cơ quan đã đóng dấu trên giấy tờ đó trong trường hợp giấy tờ không có chữ ký.

Theo yêu cầu của bất kỳ người có liên quan nào, cơ quan đã cấp chứng nhận phải xác minh xem các nội dung ghi trong chứng nhận có phù hợp với thông tin lưu trong sổ đăng ký hoặc hệ thống tra cứu hay không.

Điều 8

Trong trường hợp hiệp định, điều ước hay thỏa thuận giữa hai hay nhiều Nước ký kết có quy định việc chứng nhận chữ ký, con dấu phải tuân theo những thủ tục nhất định thì Công ước này chỉ được ưu tiên áp dụng nếu những thủ tục đó khắt khe hơn so với thủ tục quy định tại Điều 3 và Điều 4.

Điều 9

Mỗi Nước ký kết phải thực hiện các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa việc viên chức ngoại giao hoặc viên chức lãnh sự của nước mình tiến hành hợp pháp hóa đối với những trường hợp được miễn hợp pháp hóa theo Công ước này.

Điều 10

Công ước này mở cho các nước tham dự Kỳ họp lần thứ Chín của Hội nghị La Hay về tư pháp quốc tế, cũng như Ai-xơ-len, Ai-len, Công quốc Liechtenstein và Thổ Nhĩ Kỳ ký.

Công ước này phải được phê chuẩn và văn kiện phê chuẩn phải được lưu chiểu tại Bộ Ngoại giao Vương quốc Hà Lan.

Điều 11

Công ước này sẽ có hiệu lực vào ngày thứ sáu mươi kể từ ngày nộp văn kiện phê chuẩn thứ ba quy định tại khoản 2 Điều 10.

Công ước này có hiệu lực đối với mỗi Nước ký kết phê chuẩn sau thời điểm nói trên vào ngày thứ sáu mươi sau khi nộp văn kiện phê chuẩn của nước mình.

Điều 12

Các nước không thuộc diện nêu tại Điều 10 có thể gia nhập Công ước này sau khi Công ước đã có hiệu lực theo quy định tại khoản 1 Điều 11. Văn kiện gia nhập phải được nộp lưu chiểu tại Bộ Ngoại giao Vương quốc Hà Lan.

Việc gia nhập này chỉ có hiệu lực trong quan hệ giữa nước gia nhập với các Nước ký kết không đưa ra phản đối việc gia nhập đó trong vòng sáu tháng sau khi nhận được thông báo nêu tại điểm d Điều 15. Mọi ý kiến phản đối phải được thông báo cho Bộ Ngoại giao Vương quốc Hà Lan.

Công ước sẽ có hiệu lực giữa nước gia nhập và các nước không đưa ra phản đối việc gia nhập vào ngày thứ sáu mươi sau khi kết thúc thời hạn sáu tháng nói trên.

Điều 13

Vào thời điểm ký, phê chuẩn hoặc gia nhập, các nước đều có thể tuyên bố Công ước này được áp dụng mở rộng cho tất cả các vùng lãnh thổ mà nước đó chịu trách nhiệm về quan hệ đối ngoại hoặc chỉ cho một hoặc một số vùng lãnh thổ trong số đó. Tuyên bố này có hiệu lực vào ngày Công ước có hiệu lực đối với nước đó.

Vào bất kỳ thời điểm nào sau đó, việc mở rộng phạm vi áp dụng nói trên phải được thông báo cho Bộ Ngoại giao Vương quốc Hà Lan.

Nếu tuyên bố mở rộng phạm vi áp dụng được đưa ra bởi nước đã ký và phê chuẩn Công ước thì Công ước có hiệu lực đối với các vùng lãnh thổ liên quan theo quy định của Điều 11. Nếu tuyên bố mở rộng phạm vi áp dụng được đưa ra bởi nước đã gia nhập Công ước thì Công ước có hiệu lực đối với các vùng lãnh thổ liên quan theo quy định của Điều 12.

Điều 14

Công ước này có hiệu lực trong vòng năm năm kể từ ngày bắt đầu có hiệu lực theo quy định tại khoản 1 Điều 11, kể cả đối với các nước phê chuẩn hoặc gia nhập Công ước sau thời điểm đó.

Nếu không có nước nào tuyên bố rút, Công ước sẽ được tự động gia hạn năm năm một.

Mọi tuyên bố rút khỏi Công ước phải được thông báo cho Bộ Ngoại giao Vương quốc Hà Lan ít nhất sáu tháng trước khi kết thúc thời hạn năm năm.

Việc tuyên bố rút có thể chỉ giới hạn đối với một số vùng lãnh thổ mà Công ước đang áp dụng.

Việc tuyên bố rút chỉ có hiệu lực đối với nước đã đưa ra thông báo rút. Công ước vẫn duy trì hiệu lực đối với các Nước ký kết còn lại.

Điều 15

Bộ Ngoại giao Vương quốc Hà Lan phải thông báo cho các nước nêu tại Điều 10 và các nước gia nhập Công ước theo quy định tại Điều 12 những việc sau đây:

a) các thông báo nêu tại khoản 2 Điều 6 ;

b) việc ký và phê chuẩn nêu tại Điều 10;

c) ngày Công ước này có hiệu lực theo quy định tại khoản 1 Điều 11;

d) việc gia nhập và phản đối việc gia nhập nêu tại Điều 12 và ngày mà việc gia nhập có hiệu lực;

e) các tuyên bố mở rộng phạm vi áp dụng nêu tại Điều 13 và ngày mà việc mở rộng đó có hiệu lực;

f) các tuyên bố rút khỏi Công ước nêu tại Điều 14.

Để làm bằng, những người được ủy quyền hợp lệ đã ký Công ước này.

Làm tại La Hay ngày 05 tháng 10 năm 1961, bằng tiếng Pháp và tiếng Anh, trong đó văn bản tiếng Pháp là bản được dùng làm cơ sở đối chiếu trong trường hợp có sự khác biệt giữa hai văn bản, thành một bản gốc duy nhất được lưu chiểu tại cơ quan lưu trữ của Chính phủ Vương quốc Hà Lan; một bản sao có chứng thực sẽ được gửi, qua đường ngoại giao, tới từng quốc gia tham dự Khóa họp lần thứ Chín của Hội nghị La Hay về tư pháp quốc tế, cũng như tới Ai-xơ-len, Ai-len, Công quốc Liechtenstein và Thổ Nhĩ Kỳ.

Bản dịch tiếng Việt

CÔNG ƯỚC VỀ MIỄN HỢP PHÁP HÓA ĐỐI VỚI GIẤY TỜ CÔNG CỦA NƯỚC NGOÀI

(Ngày 05 tháng 10 năm 1961)

Các Nước ký kết Công ước này,

Mong muốn xóa bỏ yêu cầu hợp pháp hóa ngoại giao hoặc lãnh sự đối với giấy tờ công của nước ngoài,

Đã quyết định ký Công ước này và nhất trí với những điều khoản dưới đây:

Điều 1

Công ước này áp dụng với giấy tờ công được lập trên lãnh thổ của Nước ký kết này và phải xuất trình trên lãnh thổ của Nước ký kết khác.

Trong Công ước này, giấy tờ công được hiểu là:

a) các giấy tờ được lập bởi một cơ quan có thẩm quyền hoặc một người có thẩm quyền thuộc tòa án hoặc cơ quan tư pháp của Nhà nước, bao gồm các giấy tờ được lập bởi công tố viên, thư ký tòa án hoặc chấp hành viên tư pháp ("*huissier de justice*");

b) các giấy tờ hành chính;

c) các văn bản công chứng;

d) các chứng nhận chính thức trên các giấy tờ được ký với tư cách cá nhân, như chứng nhận chính thức ghi nhận việc đăng ký một giấy tờ hoặc ghi nhận một sự việc đã diễn ra vào một ngày nhất định và việc chứng thực, công chứng chữ ký.

Tuy nhiên, Công ước này không áp dụng đối với:

a) các giấy tờ được lập bởi viên chức ngoại giao hoặc viên chức lãnh sự;

b) các giấy tờ hành chính liên quan trực tiếp đến hoạt động thương mại hoặc hải quan.

Điều 2

Mỗi Nước ký kết có trách nhiệm miễn hợp pháp hóa đối với giấy tờ thuộc phạm vi điều chỉnh của Công ước này và phải xuất trình trên lãnh thổ của nước mình. Trong Công ước này, hợp pháp hóa được hiểu là thủ tục viên chức ngoại giao hoặc viên chức lãnh sự của của nước nơi giấy tờ phải xuất trình chứng nhận tính xác thực của chữ ký, chức vụ của người ký giấy tờ và, nếu thích hợp, tính xác thực của con dấu trên giấy tờ đó.

Điều 3

Thủ tục duy nhất có thể được yêu cầu nhằm xác nhận tính xác thực của chữ ký, tư cách của người ký văn bản và nếu thích hợp, xác nhận con dấu hoặc dấu

đóng trên văn bản đó là việc gắn kèm chứng nhận được quy định tại Điều 4, do cơ quan có thẩm quyền của nước nơi phát hành văn bản cấp.

Tuy nhiên, thủ tục nói trên không áp dụng trong trường hợp luật, quy định hoặc tập quán đang có hiệu lực ở nước nơi giấy tờ được xuất trình hoặc điều ước quốc tế giữa hai hoặc nhiều Nước ký kết đã xóa bỏ, đơn giản hóa hoặc miễn hợp pháp đối với giấy tờ này.

Điều 4

Chứng nhận nêu tại khoản 1 Điều 3 phải được đóng trực tiếp trên giấy tờ hoặc dưới hình thức tem chứng nhận kèm theo ("*allonge*"); chứng nhận phải tuân theo thể thức của mẫu ban hành kèm theo Công ước này.

Tuy nhiên, chứng nhận có thể được lập bằng ngôn ngữ chính thức của cơ quan có thẩm quyền cấp chứng nhận. Các nội dung bắt buộc trong chứng nhận cũng có thể được trình bày bằng ngôn ngữ thứ hai. Tiêu đề "Apostille (Convention de La Haye du 5 octobre 1961)" phải được ghi bằng tiếng Pháp.

Điều 5

Chứng nhận được cấp theo yêu cầu của người đã ký giấy tờ hoặc của bất cứ người nào mang giấy tờ đó.

Khi được điền đầy đủ, chứng nhận sẽ xác nhận tính xác thực của chữ ký, tư cách của người ký giấy tờ, và nếu thích hợp, tính xác thực của con dấu hoặc dấu đóng trên giấy tờ đó.

Chữ ký, con dấu hoặc dấu đóng trên chứng nhận được miễn mọi thủ tục chứng nhận khác.

Điều 6

Mỗi Nước ký kết phải chỉ định cơ quan có thẩm quyền cấp chứng nhận nêu tại khoản 1 Điều 3, phù hợp với chức năng chính thức của cơ quan đó.

Việc chỉ định này phải được thông báo cho Bộ Ngoại giao Hà Lan vào thời điểm nộp văn kiện phê chuẩn hoặc gia nhập hoặc tuyên bố về việc mở rộng phạm vi áp dụng Công ước. Mọi thay đổi liên quan đến các cơ quan đã được chỉ định cũng phải được thông báo cho Bộ Ngoại giao Vương quốc Hà Lan.

Điều 7

Mỗi cơ quan được chỉ định theo quy định tại Điều 6 phải lưu giữ sổ đăng ký hoặc hệ thống tra cứu, trong đó ghi nhận các chứng nhận đã được cấp, với các thông tin sau đây:

a) số và ngày cấp của chứng nhận ,

b) họ tên người ký đã giấy tờ công và chức vụ của người đó, hoặc tên của cơ quan đã đóng dấu trên giấy tờ đó trong trường hợp giấy tờ không có chữ ký.

Theo yêu cầu của bất kỳ người có liên quan nào, cơ quan đã cấp chứng nhận phải xác minh xem các nội dung ghi trong chứng nhận có phù hợp với thông tin lưu trong sổ đăng ký hoặc hệ thống tra cứu hay không.

Điều 8

Trong trường hợp hiệp định, điều ước hay thỏa thuận giữa hai hay nhiều Nước ký kết có quy định việc chứng nhận chữ ký, con dấu phải tuân theo những thủ tục nhất định thì Công ước này chỉ được ưu tiên áp dụng nếu những thủ tục đó khắt khe hơn so với thủ tục quy định tại Điều 3 và Điều 4.

Điều 9

Mỗi Nước ký kết phải thực hiện các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa việc viên chức ngoại giao hoặc viên chức lãnh sự của nước mình tiến hành hợp pháp hóa đối với những trường hợp được miễn hợp pháp hóa theo Công ước này.

Điều 10

Công ước này mở cho các nước tham dự Kỳ họp lần thứ Chín của Hội nghị La Hay về tư pháp quốc tế, cũng như Ai-xơ-len, Ai-len, Công quốc Liechtenstein và Thổ Nhĩ Kỳ ký.

Công ước này phải được phê chuẩn và văn kiện phê chuẩn phải được lưu chiểu tại Bộ Ngoại giao Vương quốc Hà Lan.

Điều 11

Công ước này sẽ có hiệu lực vào ngày thứ sáu mươi kể từ ngày nộp văn kiện phê chuẩn thứ ba quy định tại khoản 2 Điều 10.

Công ước này có hiệu lực đối với mỗi Nước ký kết phê chuẩn sau thời điểm nói trên vào ngày thứ sáu mươi sau khi nộp văn kiện phê chuẩn của nước mình.

Điều 12

Các nước không thuộc diện nêu tại Điều 10 có thể gia nhập Công ước này sau khi Công ước đã có hiệu lực theo quy định tại khoản 1 Điều 11. Văn kiện gia nhập phải được nộp lưu chiểu tại Bộ Ngoại giao Vương quốc Hà Lan.

Việc gia nhập này chỉ có hiệu lực trong quan hệ giữa nước gia nhập với các Nước ký kết không đưa ra phản đối việc gia nhập đó trong vòng sáu tháng sau khi nhận được thông báo nêu tại điểm d Điều 15. Mọi ý kiến phản đối phải được thông báo cho Bộ Ngoại giao Vương quốc Hà Lan.

Công ước sẽ có hiệu lực giữa nước gia nhập và các nước không đưa ra phản đối việc gia nhập vào ngày thứ sáu mươi sau khi kết thúc thời hạn sáu tháng nói trên.

Điều 13

Vào thời điểm ký, phê chuẩn hoặc gia nhập, các nước đều có thể tuyên bố Công ước này được áp dụng mở rộng cho tất cả các vùng lãnh thổ mà nước đó chịu trách nhiệm về quan hệ đối ngoại hoặc chỉ cho một hoặc một số vùng lãnh thổ trong số đó. Tuyên bố này có hiệu lực vào ngày Công ước có hiệu lực đối với nước đó.

Vào bất kỳ thời điểm nào sau đó, việc mở rộng phạm vi áp dụng nói trên phải được thông báo cho Bộ Ngoại giao Vương quốc Hà Lan.

Nếu tuyên bố mở rộng phạm vi áp dụng được đưa ra bởi nước đã ký và phê chuẩn Công ước thì Công ước có hiệu lực đối với các vùng lãnh thổ liên quan theo quy định của Điều 11. Nếu tuyên bố mở rộng phạm vi áp dụng được đưa ra bởi nước đã gia nhập Công ước thì Công ước có hiệu lực đối với các vùng lãnh thổ liên quan theo quy định của Điều 12.

Điều 14

Công ước này có hiệu lực trong vòng năm năm kể từ ngày bắt đầu có hiệu lực theo quy định tại khoản 1 Điều 11, kể cả đối với các nước phê chuẩn hoặc gia nhập Công ước sau thời điểm đó.

Nếu không có nước nào tuyên bố rút, Công ước sẽ được tự động gia hạn năm năm một.

Mọi tuyên bố rút khỏi Công ước phải được thông báo cho Bộ Ngoại giao Vương quốc Hà Lan ít nhất sáu tháng trước khi kết thúc thời hạn năm năm.

Việc tuyên bố rút có thể chỉ giới hạn đối với một số vùng lãnh thổ mà Công ước đang áp dụng.

Việc tuyên bố rút chỉ có hiệu lực đối với nước đã đưa ra thông báo rút. Công ước vẫn duy trì hiệu lực đối với các Nước ký kết còn lại.

Điều 15

Bộ Ngoại giao Vương quốc Hà Lan phải thông báo cho các nước nêu tại Điều 10 và các nước gia nhập Công ước theo quy định tại Điều 12 những việc sau đây:

a) các thông báo nêu tại khoản 2 Điều 6 ;

b) việc ký và phê chuẩn nêu tại Điều 10;

c) ngày Công ước này có hiệu lực theo quy định tại khoản 1 Điều 11;

d) việc gia nhập và phản đối việc gia nhập nêu tại Điều 12 và ngày mà việc gia nhập có hiệu lực;

e) các tuyên bố mở rộng phạm vi áp dụng nêu tại Điều 13 và ngày mà việc mở rộng đó có hiệu lực;

f) các tuyên bố rút khỏi Công ước nêu tại Điều 14.

Để làm bằng, những người được ủy quyền hợp lệ đã ký Công ước này.

Làm tại La Hay ngày 05 tháng 10 năm 1961, bằng tiếng Pháp và tiếng Anh, trong đó văn bản tiếng Pháp là bản được dùng làm cơ sở đối chiếu trong trường hợp có sự khác biệt giữa hai văn bản, thành một bản gốc duy nhất được lưu chiểu tại cơ quan lưu trữ của Chính phủ Vương quốc Hà Lan; một bản sao có chứng thực sẽ được gửi, qua đường ngoại giao, tới từng quốc gia tham dự Khóa họp lần thứ Chín của Hội nghị La Hay về tư pháp quốc tế, cũng như tới Ai-xơ-len, Ai-len, Công quốc Liechtenstein và Thổ Nhĩ Kỳ.